

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTNS

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v ban hành Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành về giám sát tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/03/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là thành phố Đồng Nai) về xây dựng, triển khai bộ chỉ số và các kịch bản phục vụ chỉ đạo, điều hành của thành phố trên môi trường điện tử; sau khi xem xét nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2650/SXD-QLKC&ATGT ngày 25/6/2026 về ban hành Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành về giám sát tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Đồng Nai (file điện tử gửi kèm); Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Thống nhất ban hành Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành về giám sát tài sản kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Đồng Nai (phụ lục đính kèm) theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2650/SXD-QLKC&ATGT ngày 25/6/2026.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì cập nhật dữ liệu theo thời gian thực, tổng hợp các chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành về giám sát tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ vào tháng 12 hằng năm.

3. Giao Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời phối hợp cung cấp, cập nhật dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, giám sát và điều hành trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo xử lý./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, KGVX, KTNS.

ThốngNV

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Hà**

**Phụ lục**  
**BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**  
**VỀ GIÁM SÁT TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-KTNS ngày / /2026 của UBND thành phố Đồng Nai)*

Stt	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị chỉ số	Công thức tính	Ý nghĩa chỉ số
<b>I</b>	<b>Nhóm chỉ số về hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông</b>				
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (tổng số tuyến – tổng chiều dài)	Tuyến - Km		Tổng số lượng tuyến, tổng chiều dài các tuyến. Cầu đường bộ dài dưới 25m được tính vào “Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường” theo TT 74/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính.	Phản ánh quy mô, hiện trạng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông làm cơ sở phục vụ công tác quản lý, khai thác
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu (tổng số cầu – tổng chiều dài)	Cầu - Km		Tổng số lượng cầu, tổng chiều dài các cầu	
3	Hầm đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với hầm (tổng số hầm – tổng chiều dài)	Hầm - Km		Tổng số lượng hầm, tổng chiều dài các hầm	
4	Luồng chạy tàu và hệ thống báo hiệu đường thủy (tổng số luồng – tổng chiều dài)	Luồng - Km		Tổng số lượng luồng, tổng chiều dài các luồng	
5	Tuyến đường sắt (tổng số tuyến – tổng chiều dài)	Tuyến - Km		Tổng số lượng tuyến, tổng chiều dài các tuyến	

Stt	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị chỉ số	Công thức tính	Ý nghĩa chỉ số
6	Tỷ lệ tuyến đường bộ được trải nhựa, bê tông	%		Tổng số tuyến đường bộ được trải nhựa, bê tông/Tổng số tuyến đường	Phản ánh chất lượng hạ tầng giao thông đường bộ và khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển an toàn, thuận tiện; đồng thời thể hiện mức độ hoàn thiện và ưu tiên đầu tư đối với hệ thống đường bộ do vai trò quan trọng trong kết nối và phát triển kinh tế - xã hội.
7	Mật độ mạng lưới giao thông	Km/km <sup>2</sup>		Tổng chiều dài tuyến/tổng diện tích	Phản ánh mức độ phát triển và phân bố hệ thống giao thông trên một đơn vị diện tích, cho biết khả năng kết nối, tiếp cận và phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển
<b>II</b>	<b>Nhóm chỉ số phục vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông</b>				
1	Tỷ lệ tài sản được số hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu phần mềm kiểm kê tài sản công	%		Tổng số lượng tài sản được số hóa, cập nhật dữ liệu/Tổng số lượng tài sản đang quản lý	Phản ánh mức độ số hóa và cập nhật dữ liệu tài sản công trên hệ thống phần mềm quản lý
2	Nguyên giá tài sản	Đồng		Tổng giá trị tài sản tính theo nguyên giá được hạch toán trên sổ kế toán	Phản ánh giá trị ghi sổ của tài sản, gồm nguyên giá và giá trị còn lại sau hao mòn, phục vụ đánh giá hiện trạng và hiệu quả sử dụng tài sản.
3	Giá trị còn lại của tài sản	Đồng		Tổng giá trị tài sản sau khi trừ đi hao mòn	

Stt	Tên chỉ số	Đơn vị tính	Giá trị chỉ số	Công thức tính	Ý nghĩa chỉ số
<b>III</b>	<b>Nhóm chỉ số bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông</b>				
1	Tổng kinh phí thực hiện công tác bảo trì trong năm	Đồng		Tổng kinh phí được cấp trong năm	Phản ánh mức độ thực hiện và nguồn lực dành cho công tác quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.
2	Kinh phí bảo trì bình quân trên 01 km đường	Đồng/Km		Tổng kinh phí bảo trì trong năm / Tổng chiều dài đường quản lý	
3	Tỷ lệ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông được quản lý, bảo dưỡng thường xuyên	%		Tổng số tài sản được quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trong năm / Tổng số lượng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông	